BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo quy định tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các cơ quan, tổ chức quan hệ không thường xuyên với ngân sách nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư bao gồm: cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần hay đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao; các tổ chức kinh tế và tổ chức tài chính được nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trần chi ngân sách

Trần chi ngân sách cho các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm trần chi theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi tiết theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Trần chi cho chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và trần bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương

1. Trần chi cho chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là giới hạn chi ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình do cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các Bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trong thời gian 03 năm kế hoạch, chi tiết theo từng năm và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trần bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương là giới hạn bổ sung ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong thời gian 03 năm kế hoạch, chi tiết theo từng năm; bao gồm trần bổ sung cân đối và trần bổ sung có mục tiêu.

Điều 5. Chi tiêu cơ sở

Chi tiêu cơ sở là nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ; chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển cơ sở là tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết và vốn vay nước ngoài theo quy định) cho các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí (hoặc cam kết bố trí) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm nguồn ngân sách nhà nước, đang triển khai và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch; cụ thể gồm:

a) Vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán;

b) Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành và tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo, bao gồm cả vốn đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ thực hiện, giải ngân vốn nước ngoài; vốn nhà nước đóng góp để đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư (PPP);

d) Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

Ví dụ 1: Xác định chi đầu tư phát triển cơ sở trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 của cơ quan A, biết rằng các thông tin về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đã giao cho cơ quan này tại thời điểm xây dựng kế hoạch như sau:

(i) Tiếp tục thực hiện Dự án I đã bắt đầu từ năm 2016, dự kiến kết thúc năm 2019, với tổng mức đầu tư được duyệt là 20 tỷ đồng, bố trí đều hàng năm là 5 tỷ đồng/năm;

(ii) Thực hiện Dự án II, với tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng, thời gian thi công 24 tháng bắt đầu từ năm 2017, trong đó vốn kế hoạch năm 2017 đã giao là 8 tỷ đồng;

(iii) Thực hiện Dự án III từ nguồn vay ưu đãi Ngân hàng Thế giới (WB): bắt đầu từ năm 2017 và kết thúc vào năm 2020, với tổng vốn vay là 80 tỷ đồng, trong đó dự kiến vốn giải ngân năm 2017 khoảng 5 tỷ đồng, năm 2018 khoảng 25 tỷ đồng, năm 2019 khoảng 35 tỷ đồng và năm 2020 khoảng 15 tỷ đồng. Vốn đối ứng trong nước (bằng tiền) để thực hiện Dự án dự kiến 8 tỷ đồng, bố trí phù hợp với tiến độ giải ngân vốn vay ưu đãi, trong đó năm 2017 khoảng 500 triệu đồng, năm 2018 khoảng 2,5 tỷ đồng, năm 2019 khoảng 3,5 tỷ đồng, năm 2020 khoảng 1,5 tỷ đồng;

(iv) Thanh toán nợ khối lượng đầu tư hoàn thành từ năm 2014 nhưng đến năm 2017 vẫn chưa được bố trí dự toán để trả nợ (khoảng 15 tỷ đồng); nay theo chủ trương của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được ưu tiên bố trí vốn kế hoạch năm 2018 để thanh toán dứt điểm nợ.

Với dữ liệu nêu trên thì chi đầu tư phát triển cơ sở lĩnh vực hoạt động kinh tế của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 sẽ là:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT		Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
	Chi đầu tư phát triển cơ sở	**18.500**	**59.500**	**43.500**	**16.500**
	Thanh toán nợ XDCB		15.000		
2	Dự án I	5.000	5.000	5.000	
3	Dự án II	8.000	12.000		
4	Dự án III	5.500	27.500	38.500	16.500
	- Vốn vay WB	*5000*	*25.000*	*35.000*	*15.000*
	- Vốn đối ứng trong nước	*500*	*2.500*	*3.500*	*1.500*

2. Chi thường xuyên cơ sở là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm trước, đang triển khai và tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch; được xác định bằng số dự kiến kinh phí thường xuyên của năm liền trước năm kế hoạch và bù trừ (cộng hoặc trừ) các yếu tố điều chỉnh chi tiêu thường xuyên cơ sở của năm đó, bao gồm:

a) Biến động (tăng, giảm) về chi phí tiền lương, tiền công, các loại phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của người hưởng lương khi được nâng bậc lương, chuyển ngạch công chức, viên chức theo quy định của pháp luật có liên quan, được cấp có thẩm quyền xác nhận;

b) Biến động (tăng, giảm) của đối tượng chi theo các chế độ, chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành, được cấp có thẩm quyền xác nhận;

c) Biến động (giảm) của các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã kết thúc, hết hiệu lực thi hành, hay bị buộc phải cắt giảm dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Thực hành tiết kiệm chi tiêu thường xuyên (giảm) để dành nguồn tăng cho các nhu cầu chi tiêu mới;

đ) Các khoản điều chỉnh khác (nếu có).

Ví dụ 2: Xác định chi thường xuyên cơ sở trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 của cơ quan A, biết rằng các thông tin liên quan tại thời điểm xây dựng kế hoạch như sau:

(i) Dự toán chi quản lý hành chính năm 2017 được giao của cơ quan là 6 tỷ đồng, trong đó tổng quỹ lương (bao gồm lương ngạch bậc, lương cán bộ hợp đồng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng) khoảng 2,3 tỷ đồng, các nhiệm vụ thường xuyên còn lại (mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định; đoàn ra nước ngoài; đóng góp niên liễm cho các tổ chức quốc tế;...) khoảng 3,7 tỷ đồng;

(ii) Biên chế được duyệt của cơ quan là 20 người, biên chế thực có mặt đến năm 2017 là 20 người, số lao động hợp đồng dài hạn là 04 người. Dự kiến, giai đoạn 2017 đến năm 2020, tổng quỹ lương của cơ quan tăng 3%/năm do nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn;

(iii) Giai đoạn 2016 - 2020, cơ quan phải đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế theo mức cam kết là 80.000 USD/năm (tương đương 1,8 tỷ đồng theo tỷ giá năm 2017), biên độ biến động tỷ giá hàng năm khoảng +2%/năm;

(iv) Dự án mua sắm tài sản cố định thực hiện từ năm 2014 và kết thúc trong năm 2017, trong đó giá trị TSCĐ mua sắm trong năm 2017 là 500 triệu đồng;

(v) Thực hiện chủ trương khoán xe ô tô công, cơ quan triển khai việc khoán xe ô tô phục vụ chức danh lãnh đạo từ năm 2018, dự kiến tiết kiệm được 500 triệu đồng và sử dụng để đáp ứng nhu cầu chi phát sinh;

Với dữ liệu nêu trên thì chi thường xuyên cơ sở lĩnh vực chi quản lý hành chính của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 sẽ là:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
1	**Chi thường xuyên cơ sở**	**6.000**	**5.089**	**5.180,2**	**5.273,7**
2	**Các khoản điều chỉnh chi thường xuyên cơ sở (a - b)**		**-911**	**91,2**	**93,5**
a	Các khoản điều chỉnh tăng		89	91,2	93,5
	- Nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn		*53*	*54,5*	*56*
	- Tăng kinh phí đóng niên liễm do biến động tỷ giá		*36*	*36,7*	*37,5*
b	Các khoản điều chỉnh giảm		1.000		
	- Dự án mua sắm TSCĐ		*500*		
	- Kinh phí tiết kiệm do thực hiện chủ trương khoán xe ô tô		*500*		

Điều 6. Chi tiêu mới

Chi tiêu mới là nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị được xem xét tại thời điểm lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và áp dụng cho cả thời gian 03 năm kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP của Chính phủ; trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển mới là tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí (hoặc cam kết bố trí) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm nguồn ngân sách nhà nước, bắt đầu thực hiện (khởi công mới) từ năm dự toán ngân sách hoặc 02 năm tiếp theo, bao gồm:

a) Vốn đầu tư cho các dự án đã được bố trí vốn bắt đầu thực hiện năm hiện hành, nhưng không triển khai được, phải lùi sang năm sau và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định;

b) Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả các hoạt động mở rộng dự án, chương trình; vốn đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn nhà nước đóng góp để đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư (PPP);

d) Vốn đầu tư cho các dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian chuyển tiếp giữa 02 kế hoạch đầu tư trung hạn, bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định và dự kiến được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn sau, có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn sau;

đ) Nghiên cứu khả thi cho các dự án sẽ được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau.

Ví dụ 3: Xác định chi đầu tư phát triển mới trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 của cơ quan A, biết rằng các thông tin liên quan tại thời điểm xây dựng kế hoạch như sau:

(i) Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020, cơ quan A được giao vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước lĩnh vực hoạt động kinh tế để:

- Triển khai Dự án IV trong thời hạn 03 năm 2018 - 2020, với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 100 tỷ đồng; mức bố trí vốn dự kiến năm 2018 là 30 tỷ đồng, năm 2019 là 45 tỷ đồng, năm 2020 là 25 tỷ đồng;

- Triển khai Dự án nghiên cứu khả thi để chuẩn bị cho Dự án V (dự kiến sẽ bố trí và thực hiện trong kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn sau). Dự án nghiên cứu khả thi này được thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2020, với tổng mức vốn được phê duyệt là 30 tỷ đồng, dự kiến bố trí vốn năm 2018 khoảng 6 tỷ đồng, năm 2019 khoảng 10 tỷ đồng và năm 2020 khoảng 14 tỷ đồng.

(ii) Ngoài ra, dự án II dự kiến khởi công năm 2017 với số vốn đã giao là 8 tỷ đồng, nhưng do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng và phải điều chỉnh lại phương án thiết kế theo yêu cầu của cơ quan chức năng, nên cơ quan đã chủ động báo cáo và được cấp có thẩm quyền đồng ý cho lùi thời hạn khởi công sang năm 2018, giữ nguyên thời gian thi công (24 tháng) và tổng mức đầu tư đã phê duyệt (20 tỷ đồng), song kinh phí năm 2017 đã bố trí cho dự án không được chuyển sang năm sau mà điều chuyển bổ sung thực hiện dự án khác.

Với dữ liệu như trên, chi đầu tư phát triển mới lĩnh vực hoạt động kinh tế của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 sẽ là:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung**	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
	Chi đầu tư phát triển mới	**44.000**	**67.000**	**39.000**
1	Dự án II	8.000	12.000	
2	Dự án IV	30.000	45.000	25.000
3	Dự án khả thi chuẩn bị dự án V	6.000	10.000	14.000

Ví dụ 4: Vào đầu năm 2018, cơ quan A xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án VI, với tổng mức vốn đầu tư cho dự án dự kiến 60 tỷ đồng, thời gian thực hiện 03 năm từ 2021 - 2023; dự án được cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan tài chính thẩm định nguồn vốn theo quy định và dự kiến sẽ bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 - 2025, trước mắt cần bố trí khoảng 10 tỷ đồng để triển khai dự án từ năm 2021.

Với dữ liệu như trên, 10 tỷ đồng nhu cầu bố trí triển khai dự án VI vào năm 2021 là số chi đầu tư phát triển mới của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021.

2. Chi thường xuyên mới là nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới ban hành, bắt đầu thực hiện từ năm dự toán ngân sách hoặc 02 năm tiếp theo; bao gồm:

a) Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây, nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai;

b) Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo;

c) Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán;

d) Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước;

đ) Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Ví dụ 5: Xác định chi thường xuyên mới trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 của cơ quan A, biết rằng các thông tin liên quan tại thời điểm xây dựng kế hoạch như sau:

(i) Dự kiến từ năm 2018, cơ quan được giao triển khai nhiệm vụ mới với kinh phí thực hiện là 2 tỷ đồng/năm và cơ quan Nội vụ đồng cấp đã duyệt bổ sung 02 biên chế cho cơ quan A để làm việc này; trên cơ sở đó, cơ quan đã tuyển dụng thêm 02 lao động vào làm việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, với hệ số lương khởi điểm là 3,00;

(ii) Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, năm 2018 cơ quan được giao chủ trì tổ chức hội thảo quốc tế tại Việt Nam với kinh phí dự kiến 800 triệu đồng; bên cạnh đó, từ năm 2019 đến năm 2020, hàng năm cơ quan có 01 đoàn tham gia hội thảo quốc tế với mức kinh phí bình quân 450 triệu đồng/năm;

(iii) Theo Nghị quyết Quốc hội, giai đoạn 2018 - 2020 sẽ thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở cho người lao động với mức tăng bình quân 7%/năm, thời điểm điều chỉnh là ngày 01 tháng 7 hàng năm;

(iv) Dự án II dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019 và chính thức đưa vào sử dụng năm 2020, chi phí vận hành khoảng 600 triệu đồng/năm;

(v) Ngoài ra, cơ quan có kế hoạch sử dụng 500 triệu đồng dự kiến tiết kiệm được từ việc khoán xe ô tô năm 2018 cho một số nhu cầu chi khác.

Với dữ liệu như trên, chi thường xuyên mới lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 được tính như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung**	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
	Chi thường xuyên mới	**3.707**	**3.084**	**3.939**
1	Đoàn ra hội thảo quốc tế		476	487
2	Tổ chức hội thảo quốc tế tại Việt Nam	800		
3	Thực hiện nhiệm vụ mới	2.000	2.000	2.000
4	Vận hành Dự án II (sau khi hoàn thành)			600
5	Kinh phí cho 02 cán bộ tuyển dụng mới (*)	280	292	306
6	Quỹ lương tăng thêm do điều chỉnh mức tiền lương cơ sở	127	316	546
7	Nhu cầu khác từ số tiết kiệm khoán ô tô	500		

Ghi chú: (*) Bao gồm kinh phí tính theo định mức, tiền lương và các khoản đóng góp có tính chất lương, phụ cấp công vụ và đã bao gồm kinh phí tăng thêm do điều chỉnh lương cơ sở.

Chương II
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM

Điều 7. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm

Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm:

1. Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương) thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

a) Nội dung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương giai đoạn trước nhằm làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của hạn chế, yếu kém, bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế; tập trung vào các nội dung chủ yếu:

Hệ thống pháp luật và chính sách về tài chính - ngân sách nhà nước trong mối quan hệ với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra;

Xu hướng biến động về quy mô, cơ cấu thu ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương; hiệu quả công tác phân bổ nguồn lực và kiểm soát chi ngân sách;

Tình hình cân đối ngân sách và việc huy động các nguồn lực bù đắp bội chi ngân sách; thực hiện các chỉ tiêu về quản lý nợ công và một số hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước khác có liên quan, như: sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, phát triển thị trường tài chính, cải cách thủ tục hành chính, hội nhập và hợp tác tài chính quốc tế, thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Nội dung xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm của địa phương giai đoạn sau phải làm rõ:

Nguyên tắc và trọng tâm ưu tiên trong xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách gắn với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch

theo các Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền thông qua trong cùng thời kỳ;

Chi tiết mục tiêu về thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách, bội chi ngân sách gắn với khả năng huy động vốn vay cho bù đắp bội chi và mục tiêu quản lý nợ của địa phương.

c) Nội dung xác định khung cân đối ngân sách địa phương bao gồm:

Dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, gồm: tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), chỉ số giá tiêu dùng (CPI), tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất, ngành hàng và giá các sản phẩm, hàng hóa có ảnh hưởng lớn đến số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;

Định hướng thu, chi và cân đối ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch, trong đó, dự báo nguồn lực về thu ngân sách, khả năng vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương, qua đó dự báo tổng nguồn lực chi ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương, đề xuất thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực chi; dự báo các chỉ tiêu quản lý nợ bình quân cho cả giai đoạn và tại năm cuối kỳ kế hoạch;

Sở Tài chính chủ trì tính toán, xác định tổng số thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương, mức chi trả nợ và chi thường xuyên, tổng mức vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc; phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp xác định mức chi cho đầu tư phát triển.

Điều 8. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm

Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

a) Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan ở địa phương đánh giá sơ bộ tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước và hoạch định

các vấn đề có tính nguyên tắc cần chú ý trong lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau; trên cơ sở đó ban hành văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương giai đoạn sau;

b) Trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương xác định định hướng và một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm giai đoạn sau, gửi Sở Tài chính; trên cơ sở đó, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương tổng hợp, lập kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

c) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh lý kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau của địa phương, gửi xin ý kiến (lần 1) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bổ sung, hoàn thiện phục vụ việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm địa phương giai đoạn sau;

d) Trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế địa phương, các cơ quan có liên quan khác ở địa phương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương giai đoạn sau và cập nhật diễn biến mới phát sinh trong những tháng đầu năm của năm cuối kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, tiếp tục hoàn thiện dự thảo kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau của địa phương, gửi xin ý kiến (lần 2) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo phù hợp với định hướng mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau;

đ) Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế địa phương và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn sau.

Điều 9. Mẫu biểu lập kế hoạch tài chính 05 năm

1. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia thực hiện theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 04 quy định tại Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo các mẫu biểu số 01 và 02 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM

Mục 1
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM QUỐC GIA

Điều 10. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia

Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 15 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Quy trình và thời gian lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia

1. Quy trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời gian lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 18 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia

Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia thực hiện theo các mẫu biểu từ số 09 đến số 14 quy định tại Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mục 2
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 13. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà

nước 03 năm của địa phương) thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 15 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

1. Việc đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương năm hiện hành phải làm rõ mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương năm hiện hành đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; đồng thời, kết hợp với kết quả thực hiện ngân sách địa phương năm trước liền kề, phân tích xu hướng phát triển của hoạt động tài chính - ngân sách địa phương trong mối tương quan với việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương về các khía cạnh: quy mô và cơ cấu thu ngân sách địa phương; hiệu quả công tác phân bổ nguồn lực và kiểm soát chi ngân sách địa phương; tình hình cân đối và công tác huy động các nguồn lực bù đắp bội chi ngân sách địa phương; thực hiện các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương.

2. Việc dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm kế hoạch tập trung vào những chỉ tiêu có ảnh hưởng lớn đến ngân sách địa phương; được thực hiện trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hoặc mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công giai đoạn 05 năm của địa phương, kết hợp với phân tích tình hình thực tiễn.

3. Việc dự báo dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu cân đối ngân sách địa phương thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật có liên quan về thuế, phí, lệ phí và các chính sách, chế độ thu khác được cấp có thẩm quyền ban hành; trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự báo tình hình đầu tư, dự báo kế hoạch kinh tế - xã hội thời gian 03 năm kế hoạch và số kiểm tra về dự toán thu năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền thông báo; được tổng hợp theo từng khoản thu và cơ cấu thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ và chi tiết theo từng năm; kèm theo các đánh giá, thuyết minh về:

a) Định hướng về điều chỉnh cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương; phân định và xác định rõ nguồn thu ngân sách địa phương và nguồn thu ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp;

b) Các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương, bao gồm: Kế hoạch, định hướng hoặc dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương trong thời gian 03 năm kế hoạch; dự kiến thay đổi về cơ chế, chính sách

thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước do trung ương ban hành tác động tăng/giảm số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; việc thực hiện các giải pháp quản lý thu thuế và tăng cường thanh tra, kiểm tra, thu hồi nợ thuế.

4. Việc lập dự toán chi ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; được tổng hợp chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác và chi tiết theo từng năm, trong đó chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi trên cơ sở quy định của Luật ngân sách nhà nước; kèm theo các đánh giá, thuyết minh về:

a) Những định hướng lớn về bố trí chi ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng sắp xếp thứ tự ưu tiên về chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian 05 năm, 03 năm và hàng năm, đồng thời đảm bảo phát triển ngân sách an toàn, bền vững;

b) Các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương, gồm: sự thay đổi về kế hoạch, định hướng hoặc tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương trong thời gian 03 năm kế hoạch; sự thay đổi về cơ chế, chính sách chi ngân sách do trung ương và địa phương ban hành, kéo theo sự thay đổi về đối tượng chi ngân sách; sự thay đổi do cải cách quy trình kiểm soát chi ngân sách;

c) Dự kiến khả năng bố trí ngân sách (trần chi ngân sách) cho từng ngành, lĩnh vực trong thời gian 03 năm kế hoạch và ưu tiên bố trí ngân sách cho từng lĩnh vực, chương trình, dự án, nhiệm vụ chi lớn trong phạm vi trần chi ngân sách đã xác định.

5. Việc lập dự toán chi ngân sách cấp tỉnh trong thời gian 03 năm kế hoạch được tổng hợp theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác và chi tiết theo từng năm, trong đó chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên được chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới; kèm theo các đánh giá, thuyết minh về:

a) Dự kiến trần chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp I có quan hệ thường xuyên với ngân sách cấp tỉnh trong thời gian 03 năm kế hoạch, chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và phân theo từng lĩnh vực chi;

b) Dự kiến trần bổ sung cân đối, trần bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện trong thời gian 03 năm, chi tiết theo từng năm và từng thành phố, quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh.

6. Việc lập dự toán số bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương và phương án vay, trả nợ của ngân sách địa phương thực hiện trên cơ sở: các cân đối lớn về ngân sách trong kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương, dự báo cân đối thu, chi ngân sách địa phương theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này; kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương năm dự toán và 02 năm tiếp theo; dư nợ vốn vay của địa phương đến ngày 31 tháng 12 năm hiện hành; khả năng tối đa được phép vay thêm để bù đắp bội chi và trả nợ gốc của ngân sách địa phương từng năm, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương vào thời điểm cuối từng năm và cả thời gian 03 năm kế hoạch không vượt mức quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; kèm theo các đánh giá, thuyết minh về:

a) Dự kiến nhu cầu chi trả nợ đến hạn của ngân sách địa phương (bao gồm trả nợ gốc, nợ lãi, phí và chi phí khác có liên quan) phát sinh năm dự toán và 02 năm tiếp theo; đồng thời, dự kiến các nguồn để chi trả nợ từng năm trong thời gian 03 năm kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Tổng mức vay của ngân sách địa phương để bù đắp bội chi và trả nợ gốc trong thời gian 03 năm kế hoạch, làm rõ tình hình thực hiện huy động các nguồn vốn (vay từ nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo đúng cam kết giải ngân, vay từ các nguồn trong nước khác) năm trước và khả năng huy động năm sau; phân tích tác động của các nguồn vay nợ đối với số dư nợ của địa phương, làm rõ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài, như: quy mô nợ, điều kiện và năng lực trả nợ, biến động tỷ giá, lãi suất. Trong đó:

Đối với chi trả nợ gốc, các địa phương chủ động bố trí từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ để trả nợ đầy đủ các khoản nợ gốc đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại; trường hợp hạn mức dư nợ vượt mức cho phép quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, các nghị định của Chính phủ về một số cơ chế tài chính đặc thù đối với một số địa phương, các địa phương phải dành nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ không vượt quá giới hạn dư nợ của địa phương theo quy định;

Trường hợp các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại hoặc các khoản vay khác có điều kiện ràng buộc về mục tiêu sử dụng, địa

phương phải chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương hoặc các đơn vị có liên quan hoàn thiện các thủ tục ký kết các thỏa thuận vay để có đủ cơ sở bố trí kế hoạch giải ngân vốn vay, dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp. Trường hợp địa phương có kế hoạch vay để trả nợ gốc (địa phương không có bội chi hoặc số vay lớn hơn số bội chi), nhưng thực tế khoản vay mới có ràng buộc về mục tiêu sử dụng, thì địa phương phải có kế hoạch giảm chi đầu tư phát triển tương ứng và/hoặc sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ để trả nợ gốc đến hạn và dùng nguồn vay mới để bù vào cho chi đầu tư phát triển;

Trường hợp tổng hợp kế hoạch giải ngân nguồn vốn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo các thỏa thuận vay đã ký làm cho số dư nợ của ngân sách địa phương cao hơn giới hạn theo quy định, thì địa phương phải có kế hoạch bố trí tăng chi trả nợ gốc các khoản nợ khác để đảm bảo giải ngân vốn nước ngoài theo các thỏa thuận đã ký, đồng thời đảm bảo mức bội chi của ngân sách địa phương, tổng mức vay của ngân sách địa phương và dư nợ của ngân sách địa phương trong giới hạn theo quy định.

7. Việc dự báo rủi ro tác động đến khung cân đối ngân sách địa phương thực hiện cho cả 03 năm kế hoạch và từng năm, chi tiết theo từng yếu tố rủi ro khách quan và chủ quan (nếu có), trên cơ sở đó đánh giá tác động của các rủi ro này đến khả năng thu, chi, bội chi và nợ đọng của ngân sách địa phương, cụ thể:

a) Những thay đổi giả định về dự báo chỉ tiêu kinh tế vĩ mô hay các chỉ tiêu liên quan đến thu, chi ngân sách có ảnh hưởng như thế nào đến số thu, chi và các nhiệm vụ chi, số bội chi, mức dư nợ của ngân sách địa phương;

b) Những thay đổi về cơ chế, chính sách hoặc cam kết so với dự kiến kế hoạch ban đầu có ảnh hưởng đến số thu, chi ngân sách và làm phát sinh nghĩa vụ nợ dự phòng của địa phương; dự báo thời điểm, thời lượng và lượng hóa ảnh hưởng của các tác động đó;

c) Rủi ro từ các khoản nợ của ngân sách cấp tỉnh (kể cả lĩnh vực xây dựng cơ bản) và tác động đến cân đối ngân sách cấp tỉnh trong thời gian 03 năm kế hoạch.

8. Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương, bao gồm: các giải pháp về phấn đấu tăng thu ngân sách, tăng cường quản lý chi ngân sách và giải pháp đảm bảo cân đối ngân sách địa phương trong trường hợp rủi ro xảy ra.

Điều 14. Quy trình và thời gian lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước:

a) Căn cứ kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương của năm liền trước năm đầu kế hoạch 03 năm đã lập năm trước, dự toán năm hiện hành, các mục tiêu và nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương đã đề ra cho 02 năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan có liên quan ở địa phương tiến hành cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp, xác định các trần chi ngân sách nhà nước cho thời gian 03 năm kế hoạch mới;

b) Trên cơ sở cập nhật, bổ sung số liệu về thu ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính khác trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước, thực hiện điều chỉnh đối với cân đối chi và phân bổ cơ cấu chi lớn của ngân sách địa phương cho phù hợp, làm cơ sở lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trong thời gian 03 năm kế hoạch mới;

c) Nội dung báo cáo cập nhật, bổ sung đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước gồm:

Cập nhật số liệu, bổ sung đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương năm liền trước, dự kiến ban đầu về khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương năm hiện hành và dự báo cho 02 năm tới; so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương đã lập năm trước, kèm theo thuyết minh chi tiết cho những thay đổi có ảnh hưởng lớn đến ngân sách địa phương (nếu có);

Cập nhật số liệu, bổ sung đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương năm liền trước; đánh giá ban đầu về khả năng thực hiện ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương năm hiện hành trên các lĩnh vực: thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu cân đối ngân sách địa phương, bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, chi cân đối ngân sách địa phương, bội chi hoặc bội thu ngân sách địa phương, tỷ lệ nợ và các chỉ số quản lý nợ của ngân sách địa phương;

Dự kiến bổ sung, điều chỉnh (nếu có) về thu, chi ngân sách địa phương cho 02 năm tiếp theo, kèm theo thuyết minh chi tiết các yếu tố tác động làm thay đổi số dự kiến thu ngân, chi ngân sách địa phương và những thay đổi trong định hướng, ưu tiên bố trí ngân sách theo từng lĩnh vực, chương trình, dự án, nhiệm vụ chi lớn so với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước;

Dự kiến bổ sung, điều chỉnh (nếu có) về cân đối ngân sách địa phương, những thay đổi trong dư nợ, cơ cấu nợ, nguồn trả nợ; dự kiến những rủi ro mới phát sinh (nếu có).

2. Trước ngày 20 tháng 7 hàng năm; căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; trên cơ sở báo cáo cập nhật, bổ sung đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước quy định tại khoản 1 Điều 5; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan có liên quan ở địa phương lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến để gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư .

3. Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước và số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm dự toán (năm đầu của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm mới) đã được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ giao; trên cơ sở thông báo của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các mức trần chi bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và ý kiến góp ý của 02 Bộ đối với nội dung của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tiếp theo; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm.

Điều 15. Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương thực hiện theo các mẫu biểu từ số 07 đến số 11 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các mẫu biểu từ số 01 đến số 12 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 3
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ Ở CẤP TỈNH

Điều 16. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh (dưới đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó:

1. Việc đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị năm hiện hành, tập trung làm rõ:

Khả năng, mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó;

Rà soát lại các khoản chi tiêu cơ sở, loại bỏ các khoản chỉ phát sinh một lần, điều chỉnh các khoản chi cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ đã được quyết định nhưng kết quả thực tế không đạt mức mong muốn sang các chương trình, dự án, nhiệm vụ có ưu tiên cao hơn; từ đó xác định mức chi cơ sở năm dự toán và 02 năm tiếp theo của cơ quan, đơn vị mình;

Đối với các cơ quan quản lý ngành, cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia và cơ quan chủ chương trình mục tiêu, bên cạnh việc đánh giá những mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách phần do cơ quan mình trực tiếp quản lý, thực hiện, còn có đánh giá về khả năng thực hiện những các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu được phân công quản lý.

2. Dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu phát sinh của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch và đề xuất nhu cầu chi ngân sách để thực hiện:

a) Các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu dự kiến phát sinh của cơ quan đơn vị phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực đã đề ra trong giai đoạn 05 năm; cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để triển khai thực hiện, chi tiết thành các hoạt động cụ thể;

b) Nhu cầu chi ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát sinh là chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; chi tiết theo lĩnh vực chi và cơ cấu đầu tư phát triển, chi thường xuyên.

3. Tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị:

a) Căn cứ trần chi ngân sách được cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư thông báo; mức chi cơ sở và đề xuất chi mới đã xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này; cơ quan, đơn vị xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và nhu cầu chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán và 02 năm tiếp theo, chi tiết theo lĩnh vực chi, chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới theo quy định tại Điều 17 Thông tư này; trên cơ sở đó tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch;

b) Quá trình tổng hợp nhu cầu chi ngân sách, các cơ quan, đơn vị phải chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để nhu cầu chi nằm trong phạm vi trần chi ngân sách được thông báo, đảm bảo chi tiêu cơ sở chặt chẽ, hiệu quả và dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho chi tiêu mới:

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị lớn hơn trần chi ngân sách được thông báo, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư phối hợp với từng cơ quan, đơn vị xử lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ trước khi tổng hợp, trình kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm ra cấp có thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu chi vượt trần được thông báo cần phân tích rõ nguyên nhân tăng nhu cầu chi, đồng thời chủ động đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính để thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, như: rà soát, sắp xếp nhu cầu chi theo thứ tự ưu tiên; cắt giảm kinh phí các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đang thực hiện nhưng kém hiệu quả để điều chỉnh, hoặc thay thế bằng các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới có hiệu quả hơn; kiến nghị hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm huy động thêm nguồn lực tài chính ngoài ngân sách;

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị được đảm bảo từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ khác theo chế độ quy định, thì số dự kiến thu phải được chi tiết từng năm, cùng với các đánh giá, thuyết minh có liên quan.

c) Báo cáo nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị phải kèm theo thuyết minh, giải trình về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị trực thuộc; ưu tiên bố trí ngân sách và nguồn lực tài chính khác cho chương trình, dự án, nhiệm vụ chủ yếu; dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực hiện kế hoạch, bao gồm cả số nợ đọng và nợ dự phòng; các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 17. Xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch

1. Xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển:

Nhu cầu chi đầu tư phát triển của cơ quan, đơn vị năm kế hoạch bằng tổng chi đầu tư phát triển cơ sở và chi đầu tư phát triển mới trong năm đó, được chi tiết theo từng năm và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; kèm theo các tài liệu thuyết minh, giải trình về tiến độ thực hiện hoặc kế hoạch thực hiện của các dự án có liên quan.

Ví dụ 6: kết hợp các giả thuyết đã nêu trong ví dụ 1 tại khoản 1 Điều 5 và ví dụ 3 tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, nhu cầu chi đầu tư phát triển lĩnh vực hoạt động kinh tế của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 được xác định như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
	Tổng nhu cầu chi	**10.500**	**91.500**	**110.500**	**55.500**
1	**Chi đầu tư phát triển cơ sở**	**10.500**	**47.500**	**43.500**	**16.500**
	- Thanh toán nợ XDCB		15.000		
	- Dự án I	5.000	5.000	5.000	
	- Dự án III	5.500	27.500	38.500	16.500
	+ Vốn vay WB	*5.000*	*25.000*	*35.000*	*15.000*
	+ Vốn đối ứng trong nước	*500*	*2.500*	*3.500*	*1.500*
2	**Chi đầu tư phát triển mới**		**44.000**	**67.000**	**39.000**
	- Dự án II		8.000	12.000	
	- Dự án IV		30.000	45.000	25.000
	- Dự án khả thi chuẩn bị dự án V		6.000	10.000	14.000

2. Xác định nhu cầu chi thường xuyên:

Nhu cầu chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị năm kế hoạch bằng tổng chi thường xuyên cơ sở và chi thường xuyên mới trong năm đó, được chi tiết theo từng năm và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; kèm theo các tài liệu giải trình có liên quan.

Ví dụ 7: kết hợp các giả thuyết đã nêu trong ví dụ 2 khoản 2 Điều 5 và ví dụ 5 khoản 2 Điều 6 Thông tư này, nhu cầu chi thường xuyên lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan A trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 được xác định như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung**	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
	TỔNG NHU CẦU CHI	**6.000**	**8.796**	**8.264,2**	**9.212,7**
1	**Chi thường xuyên cơ sở**	**6.000**	**5.089**	**5.180,2**	**5.273,7**
	Các khoản điều chỉnh chi thường xuyên cơ sở (a - b)		**-911**	**91,2**	**93,5**
	a) Các khoản điều chỉnh tăng		89	91,2	93,5
	- Nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn		*53*	*54,5*	*56*
	- Tăng kinh phí đóng niên liễm do biến động tỷ giá		*36*	*36,7*	*37,5*
	b) Các khoản điều chỉnh giảm		1.000		
	- Dự án mua sắm TSCĐ		*500*		
	- Kinh phí tiết kiệm từ việc khoán xe ô tô		*500*		
II	**Chi thường xuyên mới**		**3.707**	**3.084**	**3.939**
1	Đoàn ra hội thảo quốc tế			476	487
2	Tổ chức hội thảo quốc tế		800		
3	Thực hiện nhiệm vụ mới		2.000	2.000	2.000
4	Vận hành Dự án II (sau khi hoàn thành)				600
5	Kinh phí cho 02 cán bộ tuyển dụng mới		280	292	306
6	Quỹ lương tăng thêm do điều chỉnh tiền lương cơ sở		127	316	546
7	Nhu cầu khác từ nguồn tiết kiệm khoán xe ô tô		500		

Điều 18. Quy trình, thời gian lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

1. Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước:

a) Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước của năm liền trước năm đầu kế hoạch 03 năm đã lập năm trước, dự toán ngân sách nhà nước được giao năm hiện hành, các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra cho 02 năm tiếp theo, cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước, gửi cơ quan Tài chính và cơ quan Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp, xác định các trần chi ngân sách nhà nước cho thời gian 03 năm kế hoạch mới;

b) Việc cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước nhằm phát hiện và kịp thời có điều chỉnh về nguồn thu, nhiệm vụ chi của cơ quan, đơn vị để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác chuyên môn, nghiệp vụ và làm cơ sở cho việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm mới;

c) Nội dung báo cáo cập nhật, bổ sung đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước của cơ quan, đơn vị gồm:

Xác định lại các nội dung chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của năm hiện hành, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước, đảm bảo khớp đúng với dự toán được cấp thẩm quyền giao; trên cơ sở đó, xác định lại các nội dung chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của 02 năm tiếp theo, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở cập nhật, bổ sung số liệu về thu, chi ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính khác của cơ quan, đơn vị trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước, đề xuất điều chỉnh nhu cầu chi ngân sách cho 02 năm tiếp theo (nếu có), chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước, kèm theo thuyết minh cụ thể các yếu tố tác động làm thay đổi nhu cầu chi ngân sách so với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước;

Ví dụ 8: Dự toán chi đầu tư phát triển lĩnh vực hoạt động kinh tế năm 2018 được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan A là 60,5 tỷ đồng, giảm 16 tỷ đồng so với đề xuất của đơn vị, trong đó vốn bố trí triển khai cho dự án IV là 20 tỷ đồng và không

bố trí vốn cho dự án khả thi chuẩn bị dự án V vì chưa phải cấp thiết. Đồng thời, trần chi đầu tư phát triển cơ quan tài chính thông báo cho cơ quan A năm 2019 là 100 tỷ đồng, năm 2020 là 55,5 tỷ đồng.

Giả định rằng dữ kiện cơ bản (tổng mức vốn được duyệt, thời gian thực hiện) của các dự án là không thay đổi; khả năng giải ngân vốn của các dự án sử dụng nguồn vốn trong nước năm 2018 đạt 100% kế hoạch giao, riêng dự án sử dụng vốn vay WB có khả năng giải ngân vượt kế hoạch giao khoảng 2 tỷ đồng. Khi đó, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 cơ quan A sẽ được cập nhật, bổ sung như sau:

Đơn vị: triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018			DỰ KIẾN NĂM 2019			DỰ KIẾN NĂM 2020		
		DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH TH-DT	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
	Tổng nhu cầu	**60.500**	**62.700**	**2.200**	**100.000**	**110.500**	**104.300**	**55.500**	**55.500**	**55.500**
I	**Chi ĐT cơ sở**	**60.500**	**62.700**	**2.200**		**100.500**	**98.300**		**41.500**	**41.500**
1	Dự án I	5.000	5.000			5.000	5.000			
2	Dự án III	27.500	29.700	2.200		38.500	36.300		16.500	16.500
	- Vốn vay WB	*25.000*	*27.000*	2.000		*35.000*	*33.000*		15.000	15.000
	- Vốn đối ứng	*2.500*	*2.700*	200		*3.500*	*3.300*		1.500	1.500
3	Dự án II	8.000	8.000			*12.000*	*12.000*			
4	Dự án IV	20.000	20.000			45.000	45.000		25.000	25.000
II	**Chi ĐT mới**					**10.000**	**6.000**		**14.000**	**14.000**
1	Dự án khả thi chuẩn bị DA V					10.000	6.000		14.000	14.000

2. Trước ngày 20 tháng 7 hàng năm, căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ và cơ quan trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; trần chi ngân sách cho đầu tư phát triển và nhiệm vụ thường xuyên do Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo; các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của mình, gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp để tổng hợp, lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm trình cấp có thẩm quyền tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

Điều 19. Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

Mẫu biểu báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan, đơn vị thực hiện theo các mẫu biểu từ số 13 đến số 22 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của các bộ, cơ quan, đơn vị và địa phương.

2. Dự báo các xu hướng và triển vọng kinh tế, tài chính vĩ mô, và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng trong thời gian 03 năm 2018 - 2020 được quy định trong Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư về lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020.

Điều 21. Hướng dẫn thực hiện tại địa phương

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hướng dẫn việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương mình, phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 01**

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/7 hàng năm)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
1	Tổng sản phẩm trong nước của địa phương (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng					
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%					
3	Cơ cấu kinh tế						
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%					
	- Công nghiệp, xây dựng	%					
	- Dịch vụ	%					
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%					
5	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng					
	Tỷ lệ so với GRDP	*%*					
6	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD					
	Tốc độ tăng trưởng	*%*					
7	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD					
	Tốc độ tăng trưởng	*%*					
8	Dân số	Triệu người					
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng					
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
11	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
12	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người					
	- Số học sinh	Người					
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người					
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
13	Y tế:						
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở					
	- Số giường bệnh	Giường					
	Trong đó:						
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	Giường					
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường					
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường					
	+ Giường y tế xã phường	Giường					
	- Số đối tượng mua BHYT						
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người					
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người					
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người					
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	Người					
	+ Học sinh, sinh viên	Người					
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người					

....., ngày.... tháng.... năm.....

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ … **MẪU BIỂU SỐ 02**

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM GIAI ĐOẠN…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	**THU NỘI ĐỊA**						
1	**1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
5	**Lệ phí trước bạ**						
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**						
8	**Thuế thu nhập cá nhân**						
9	**Thuế bảo vệ môi trường**						
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
10	**Phí, lệ phí**						
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu						
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
11	**Tiền sử dụng đất**						
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý						
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**						
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**						
	Trong đó: - Do trung ương						
	- Do địa phương						
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**						
	Trong đó: - Do trung ương xử lý						
	- Do địa phương xử lý						
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**						
17	**Thu khác ngân sách**						
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương						
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**						
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp						
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp						
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**						
20	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)**						
21	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)**						
II	**THU TỪ DẦU THÔ**						
III	**THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU**						
1	**Thuế xuất khẩu**						
2	**Thuế nhập khẩu**						
3	**Thuế tiêu thụ đặc biệt**						
4	**Thuế bảo vệ môi trường**						
5	**Thuế giá trị gia tăng**						

…, ngày… tháng… năm…

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 03**

DỰ KIẾN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN				
		1	2	3	4 = 3/2	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	**Các khoản thu từ thuế**						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước						
2	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước						
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế tài nguyên						
II	**Các khoản phí, lệ phí**						
1	Lệ phí trước bạ						
2	Các loại phí, lệ phí						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN				
		1	2	3	4 = 3/2	5	6
III	**Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN**						
1	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế						
2	Thu chênh lệch thu, chi của NHNN						
IV	**Các khoản thu về nhà đất**						
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
3	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển						
4	Thu tiền sử dụng đất						
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
V	**Thu khác**						
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
2	Thu bán tài sản nhà nước						
3	Các khoản thu khác còn lại						

…., ngày..... tháng..... năm.....

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 04**

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
I	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**						
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)						
1	**Chi đầu tư phát triển**						
1.1	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật**						
1.2	**Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)**						
	Trong đó:						
1.2.1	**Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn**						
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước						
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
1.2.2	**Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực**						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
	…..						
2	**Chi thường xuyên**						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
	…..						
3	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**						
4	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**						
5	**Dự phòng ngân sách**						
6	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**						
II	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**						
III	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**						

Ghi chú (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi ngân sách.

…., ngày… tháng… năm…..
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 05**

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN				
		1	2	3	4 = 3/2	5	6
A	**MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP**						
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**						
C	**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC**						
I	**Tổng dư nợ đầu năm**						
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)						
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
II	**Trả nợ gốc vay trong năm**						
1	**Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay**						
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước						
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
2	**Nguồn trả nợ**						
	- Từ nguồn vay						
	- Bội thu ngân sách địa phương						
	- Tăng thu, tiết kiệm chi						
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh						
III	**Tổng mức vay trong năm**						
1	Theo mục đích vay						
	- Vay bù đắp bội chi						
	- Vay trả nợ gốc						
2	Theo nguồn vay						
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước						
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
IV	**Tổng dư nợ cuối năm**						
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)						
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
D	**Trả nợ lãi, phí**						

Ghi chú: (1) Chi tiết theo từng dự án.

…., ngày… tháng… năm…..

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 06**

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỐ BỔ SUNG CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5	6
I	**Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)**						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	**Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL**						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSĐP						
	- 50% tăng thu NSĐP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSĐP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
(3)	Từ nguồn giá học phí						
(4)	Từ nguồn giá viện phí						
(5)	Thu sự nghiệp khác						
III	**Kinh phí đề xuất phải bổ sung hoặc chuyển nguồn**	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

…., ngày… tháng… năm…..

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 07**

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM…
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/3 hàng năm)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
			KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-KH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		C	1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
1	Tổng sản phẩm trong nước của địa phương (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng										
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%										
3	Cơ cấu kinh tế											
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%										
	- Công nghiệp, xây dựng	%										
	- Dịch vụ	%										
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%										
5	Vốn đầu tư phát triển toàn XH trên địa bàn	Tỷ đồng										
	Tỷ lệ so với GRDP	*%*										
6	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD										
	Tốc độ tăng trưởng	*%*										
7	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD										
	Tốc độ tăng trưởng	*%*										
8	Dân số	Triệu người										
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng										
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%										
11	Tỷ lệ hộ nghèo	%										
12	Giáo dục, đào tạo											
	- Số giáo viên	Người										
	- Số học sinh	Người										
	Trong đó:											
	+ Học sinh Dân tộc nội trú	Người										
	+ Học sinh bán trú	Người										
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người										
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường										
13	Y tế:											
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở										
	- Số giường bệnh	Giường										
	Trong đó:											
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	Giường										
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường										

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
			KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-KH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		C	1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường										
	+ Giường y tế xã phường	Giường										
	- Số đối tượng mua BHYT											
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người										
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người										
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người										
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người										
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	Người										
	+ Học sinh, sinh viên	Người										
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người										
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người										
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước.

…, ngày… tháng… năm…
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

MẪU BIỂU SỐ 08

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU NSNN NĂM GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC M-1	NĂM HIỆN HÀNH M*			NĂM M+1		NĂM M+2	
			Thủ tướng Chính phủ giao	HĐND cấp tỉnh thông qua	Đánh giá thực hiện	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	3	4	5	7	8	10	11
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)								
I	**I. THU NỘI ĐỊA**								
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí								
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí								
	- Thu từ khí thiên nhiên								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí								
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước								
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí								
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
5	**Lệ phí trước bạ**								
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**								
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**								
8	**Thuế thu nhập cá nhân**								
9	**Thuế bảo vệ môi trường**								

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC M-1	NĂM HIỆN HÀNH M*			NĂM M+1		NĂM M+2	
			Thủ tướng Chính phủ giao	HĐND cấp tỉnh thông qua	Đánh giá thực hiện	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	3	4	5	7	8	10	11
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu								
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước								
10	**Phí, lệ phí**								
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu								
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu								
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản								
11	**Tiền sử dụng đất**								
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý								
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý								
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**								
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**								
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương								
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương								
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**								
	Trong đó: - Do trung ương								
	- Do địa phương								
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**								
	Trong đó: - Do trung ương xử lý								
	- Do địa phương xử lý								
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**								
17	**Thu khác ngân sách**								
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương								
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**								
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp								
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp								
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**								
20	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)**								
21	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)**								
II	**THU TỪ DẦU THÔ**								
III	**THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU**								
1	**Thuế xuất khẩu**								
2	**Thuế nhập khẩu**								
3	**Thuế tiêu thụ đặc biệt**								
4	**Thuế bảo vệ môi trường**								
5	**Thuế giá trị gia tăng**								

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

…, ngày… tháng… năm…
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 09**

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)										
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP(%)										
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP(%)										
I	**Thu nội địa**										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										
	Trong đó:										
1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý										
2	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý										
3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN										
4	Thu từ khu vực kinh tế NQD										
5	Thuế thu nhập cá nhân										
6	Thuế bảo vệ môi trường										
7	Lệ phí trước bạ										
8	Thu tiền sử dụng đất										
9	Thu từ hoạt động sổ xố kiến thiết										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN										
II	**Thu từ dầu thô**										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										
IV	**Thu viện trợ**										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước.

…., ngày… tháng… năm…..

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 10**

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)										
I	**Các khoản thu từ thuế**										
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước										
2	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước										
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước										
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp										
5	Thuế thu nhập cá nhân										
6	Thuế tài nguyên										
II	**Các khoản phí, lệ phí**										
1	Lệ phí trước bạ										
2	Các loại phí, lệ phí										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
III	**Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN**										
1	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế										
2	Thu chênh lệch thu, chi của NHNN										
IV	**Các khoản thu về nhà đất**										
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp										
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp										
3	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển										
4	Thu tiền sử dụng đất										
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước										
V	**Thu khác**										
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản										
2	Thu bán tài sản nhà nước										
3	Các khoản thu khác còn lại										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

…, ngày… tháng… năm…
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 11**

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)			NĂM M+1		NĂM M+2	
		KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-KH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**										
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**										
II	**Thu bổ sung từ NSTW**										
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách										
2	Thu bổ sung có mục tiêu										
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**										
IV	**Thu kết dư**										
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**										
B	**TỔNG CHI NSĐP**										
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**										
1	Chi đầu tư phát triển										
2	Chi thường xuyên										
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay										
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính										
5	Dự phòng ngân sách										
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương										
II	**Chi các CTMT từ nguồn bổ sung từ NSTW**										
1	Chi thực hiện các CT mục tiêu quốc gia										
2	Chi thực hiện các CT mục tiêu, nhiệm vụ										
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**										
C	**BỘI CHI/BỘI THU NSĐP**										
D	**TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSĐP**										
I	**Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP**										
II	**Mức dự nợ đầu kỳ (năm)**										
III	**Trả nợ gốc vay của NSĐP**										
1	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**										
2	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư NS cấp tỉnh**										
IV	**Tổng mức vay của NSĐP**										
1	**Vay để bù đắp bội chi**										
2	**Vay để trả nợ gốc**										
V	**Mức dự nợ cuối kỳ (năm)**										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước.

…, ngày… tháng… năm…

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ… **MẪU BIỂU SỐ 12**

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
I	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)										
1	**Chi đầu tư phát triển**										
1.1	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật**										
1.2	**Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)**										
	Trong đó:										
1.2.1	**Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn**										
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước										
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất										
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết										
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HĐND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HĐND THÔNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
1.2.2	**Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực**										
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
b	Chi khoa học và công nghệ										
	…..										
2	**Chi thường xuyên**										
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
b	Chi khoa học và công nghệ										
	…..										
3	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**										
4	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**										
5	**Dự phòng ngân sách**										
6	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**										
II	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										
III	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**										

Ghi chú (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi ngân sách.

…, ngày… tháng… năm…
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị…
Chương…

MẪU BIỂU SỐ 13

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)			SO SÁNH NHU CẦU NĂM N VỚI TH NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1			DỰ KIẾN NĂM N+2		
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU		TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU
		1	2	3	4	5 = 3-4	6 = 4/2	7	8	9 = 7-8	10	11	12 = 10-11
A	**TỔNG NHU CẦU CHI NSNN**												
I	**Chi đầu tư phát triển (1+2+3)**												
1	Chi đầu tư các dự án (*)												
	Chi quốc phòng												
	Chi an ninh và trật tự ATXH												
	.....												
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn NN vào DN												
3	Chi đầu tư phát triển khác												
II	**Chi thường xuyên* (1+2+...)**												
1	*Chi quốc phòng*												
2	*Chi an ninh và trật tự ATXH*												
	.....												
B	**CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH**												
1	Chi sự nghiệp……												
2	Chi sự nghiệp…..												
….	…….												
…..	Chi quản lý hành chính												

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)			SO SÁNH NHU CẦU NĂM N VỚI TH NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1			DỰ KIẾN NĂM N+2		
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU		TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU
		1	2	3	4	5 = 3-4	6 = 4/2	7	8	9 = 7-8	10	11	12 = 10-11
C	**NHU CẦU CHI CÒN LẠI, SAU KHI TRỪ ĐI SỐ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (A-B)**												
I	**Chi đầu tư phát triển**												
1	Chi đầu tư các dự án*												
	Chi quốc phòng												
	Chi an ninh và trật tự ATXH												
	.....												
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp												
3	Chi đầu tư phát triển khác												
II	**Chi thường xuyên***												
1	*Chi quốc phòng*												
2	*Chi an ninh và trật tự ATXH*												
	.....												

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ chi phát sinh thuộc lĩnh vực chi nào thì thể hiện lĩnh vực chi đó, không cần phải thể hiện đủ các lĩnh vực chi theo quy định.

…, ngày… tháng… năm…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị… **MẪU BIỂU SỐ 14**
Chương…

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 03 NĂM… (1)
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (2)	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
I	**TRẦN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC THÔNG BÁO**				
II	**NHU CẦU CHI CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**				
1	**Chi đầu tư phát triển cơ sở**				
a	Vốn thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định nhưng đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành; tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo				
d	Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
2	**Chi đầu tư phát triển mới**				
a	Vốn đầu tư của dự án được bố trí vốn bắt đầu thực hiện (khởi công mới) năm hiện hành nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán				
d	Dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian xen giữa 02 kế hoạch đầu tư công trung hạn và chắc chắn được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn giai đoạn sau				
đ	Nghiên cứu khả thi cho các dự án được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau				
III	**CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU (I-II)**				

Ghi chú: (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại Luật ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội….; trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán ở một lĩnh vực chi thì chỉ tổng hợp nhu cầu chi theo mẫu biểu 18

(2) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

…, ngày… tháng… năm…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị… **MẪU BIỂU SỐ 15**
Chương…

NHU CẦU CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM… (1)

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (2)	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
I	**TRẦN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC THÔNG BÁO**				
II	**NHU CẦU CHI CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**				
1	**Chi đầu tư phát triển cơ sở**				
a	Vốn thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định nhưng đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành; tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo				
d	Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
2	**Chi đầu tư phát triển mới**				
a	Vốn đầu tư của dự án được bố trí vốn bắt đầu thực hiện (khởi công mới) năm hiện hành nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán				
d	Dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian xen giữa 02 kế hoạch đầu tư công trung hạn và chắc chắn được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn giai đoạn sau				
đ	Nghiên cứu khả thi cho các dự án được triển khai trong kế hoach trung hạn sau				
III	**CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU (I-II)**				

Ghi chú: (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại luật Ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội….; trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán ở một lĩnh vực chi thì chỉ tổng hợp nhu cầu chi theo mẫu biểu 14

…, ngày… tháng… năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị…
Chương…

MẪU BIỂU SỐ 16

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM....

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)			NĂM N + 1			NĂM N + 2		
			TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI
		1	2	3	4 = 3-2	5	6	7 = 6-5	8	9	10 = 9-8
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
4	……..										

…, ngày… tháng… năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị… **MẪU BIỂU SỐ 17**
Chương…

CHI TIẾT NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC[1]/NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
	TỔNG NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN				
	TRONG ĐÓ: - CHI THƯỜNG XUYÊNCƠ SỞ				
	- CHI THƯỜNG XUYÊN MỚI				
1	**Quốc phòng**				
a	**Chi thường xuyên cơ sở**				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chi tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
b	**Chi thường xuyên mới** [2]				
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				
(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền				
2	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**				
a	**Chi thường xuyên cơ sở**				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chi tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				

STT	LĨNH VỰC(1)/NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
b	**Chi thường xuyên mới** (2)				
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				
(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				
3	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**				
	……..				

Ghi chú: (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại luật Ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội….; trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán ở một vài lĩnh vực chi thì lập theo lĩnh vực chi đó.

(2) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

…, ngày… tháng… năm…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị…
Chương…

MẪU BIỂU SỐ 18

TỔNG HỢP MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ NHU CẦU CHI MỚI GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC CHI	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	CƠ SỞ PHÁP LÝ/ THỰC TIỄN	HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	NGUỒN KINH PHÍ	NHU CẦU CHI								
						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHIA RA					
							CHI CƠ SỞ	CHI MỚI	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	TRONG ĐÓ		CHI THƯỜNG XUYÊN	TRONG ĐÓ	
										CHI CƠ SỞ	CHI MỚI		CHI CƠ SỞ	CHI MỚI
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8=11+14	9=12+15	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15
I	**Giáo dục - đào tạo**													
1	Giáo dục tiểu học	Mục tiêu, nhiệm vụ 1	Nghị quyết QH	Hoạt động 1	NSNN									
				Hoạt động 2										
					NSNN									
					Thu phí									
		Mục tiêu, nhiệm vụ 2	Nghị quyết CP	Hoạt động 1	....									
				Hoạt động 2										
	……	……	……	……	....									
2	Đào tạo cao đẳng	Mục tiêu, nhiệm vụ…		Hoạt động…										
	……	……	……	……	....									
II	**Y tế**													
1	Y tế dự phòng	Mục tiêu, nhiệm vụ…		Hoạt động…										
		……	……	……	....									
…	……	……	……	……	....									

…, ngày… tháng…. năm….

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị… **MẪU BIỂU SỐ 19**
Chương…

DỰ KIẾN SỐ THU, CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO CHẾ ĐỘ GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI THỰC HIỆN NĂM N-1	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3 = 2/1	4	5
A	**Các khoản phí**					
I	**Tổng số thu phí**					
1	Phí A					
2	Phí B					
	…….					
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**					
1	Chi sự nghiệp…					
2	Chi sự nghiệp…					
3	Chi quản lý hành chính					
	……					
III	**Số phí nộp NSNN (I - II)**					
B	**Thu, chi sự nghiệp, dịch vụ**					
I	**Tổng số thu**					
1	Từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công do Nhà nước định giá					
2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật					
II	**Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ**					
1	Chi sự nghiệp…					
2	Chi sự nghiệp…					
	……					

…, ngày… tháng… năm…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị… **MẪU BIỂU SỐ 20**
Chương…

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ NĂM TRƯỚC (M - 1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)			NĂM M+1		NĂM M+2	
		DỰ TOÁN GIAO	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3 = 2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9	10
A	**TỔNG NHU CẦU CHI NSNN**										
I	**Chi đầu tư phát triển (1+2+3)**										
1	Chi đầu tư các dự án (*)										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
	.....										
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn NN vào DN										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	**Chi thường xuyên* (1+2+...)**										
1	*Chi quốc phòng*										
2	*Chi an ninh và trật tự ATXH*										
	.....										
B	**CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH**										
1	Chi sự nghiệp……										
2	Chi sự nghiệp…..										
….	…….										
…..	Chi quản lý hành chính										
C	**NHU CẦU CHI CÒN LẠI, SAU KHI TRỪ ĐI SỐ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (A-B)**										
I	**Chi đầu tư phát triển**										
1	Chi đầu tư các dự án*										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
	.....										
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	**Chi thường xuyên***										
1	*Chi quốc phòng*										
2	*Chi an ninh và trật tự ATXH*										
	.....										

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ chi phát sinh thuộc lĩnh vực chi nào thì thể hiện lĩnh vực chi đó, không cần thể hiện đủ các lĩnh vực chi.

…, ngày… tháng… năm…
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị…
Chương…

MẪU BIỂU SỐ 21

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4 = 3-2	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ										
1	**Chi đầu tư phát triển cơ sở**										
a	Vốn thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định nhưng đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán										
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ										
c	Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành; tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo										
d	Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật										
2	**Chi đầu tư phát triển mới**										
a	Vốn đầu tư của dự án được bố trí vốn bắt đầu thực hiện (khởi công mới) năm hiện hành nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4 = 3-2	5	6	7	8	9	10
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ										
c	Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán										
d	Dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian xen giữa 02 kế hoạch đầu tư công trung hạn và chắc chắn được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn giai đoạn sau										
đ	Nghiên cứu khả thi cho các dự án được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau										

…, ngày… tháng… năm…

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị…
Chương…

MẪU BIỂU SỐ 22

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 31/3 hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4 = 3-2	5	6	7	8	9	10
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
4	……..										
5	……..										

…, ngày… tháng… năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng